

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 16-02-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trung Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Việt Hùng;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn V, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm X, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Vũ Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm N (xóm 3), xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm X, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Xóm N (xóm 3), xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Văn V trình bày:*

Gia đình ông và chị Vũ Thị T là hàng xóm với nhau nên quen biết. Từ năm 2019, vợ chồng ông có cho chị Vũ Thị T vay tiền nhiều lần, có thỏa thuận miệng

lãi 1%/tháng. Thời gian đầu chị T trả gốc, lãi đầy đủ nhưng từ tháng 02/2020 chị T không trả nợ nữa và bỏ nhà đi khỏi địa phương, ông không nhớ đã nhận bao nhiêu tiền lãi do không ghi chép lại. Sau đó ông đã đòi nợ nhiều lần nhưng không gặp được chị T. Đến ngày 05/01/2021 vợ chồng ông đến nhà gặp được chị T, khi đó cũng có nhiều người đến đòi nợ thì chị T đã trả cho ông 15.000.000 đồng và tự viết giấy chốt nhận còn nợ số tiền gốc là 102.000.000 đồng, hẹn bắt đầu từ tháng 06/2021 sẽ trả dần. Chị T viết giấy chốt nợ đưa cho ông giữ có những người đến đòi nợ là vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Đỗ Thị N và ông Trần Văn D cùng có địa chỉ tại xóm N, xã HT chứng kiến. Từ tháng 06/2021 đến nay vợ chồng ông đòi nợ nhưng không gặp được, gọi điện chị T cũng không nghe máy, chỉ duy nhất một lần chị T nghe máy và nói lý do dịch Covid 19 không về quê được, xin khất nợ. Ông có đến nhà bố mẹ đẻ chị T ở xóm N, xã HT để hỏi tin tức về chị T thì bị từ chối tiếp. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Vũ Thị T trả cho vợ chồng ông số tiền gốc còn nợ là 102.000.000 đồng; không yêu cầu trả lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Q trình bày thống nhất với ông Phạm Văn V.

Bị đơn là chị Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng mà không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2021, người làm chứng ông Lê Văn Đ và bà Đỗ Thị N thống nhất trình bày:* Ông bà là hàng xóm với vợ chồng ông V, bà Q và chị Vũ Thị T. Ông bà có tham gia chơi hội tiền, hội vàng do chị Vũ Thị T làm chủ hội từ năm 2016. Khoảng tháng 01/2021 ông bà đến nhà chị T đòi nợ hội thì có gặp nhiều người đến đòi nợ trong đó có vợ chồng ông V, bà Q và ông Trần Văn D là người cùng xóm. Chị T có trả nợ cho mỗi người một ít trong đó trả cho ông bà và vợ chồng ông V mỗi gia đình 15.000.000 đồng, còn lại thì khất nợ. Ông bà có nhìn thấy chị T viết giấy biên nhận nợ đưa cho vợ chồng ông V, bà Q.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; buộc chị Vũ Thị T có trách nhiệm trả số tiền 102.000.000 đồng cho ông Phạm Văn V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Văn V khởi

kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với chị Vũ Thị T. Bị đơn chị Vũ Thị T có địa chỉ cư trú tại xóm N (xóm 3), xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Văn V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Q và người làm chứng ông Lê Văn Đ, bà Đỗ Thị N đều có ý kiến xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị Vũ Thị T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự và người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[3.1] Ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị Q yêu cầu chị Vũ Thị T trả nợ tiền vay gốc còn nợ là 102.000.000 đồng. Bị đơn chị Vũ Thị T đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng; không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[3.2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị Q cung cấp là bản gốc 01 giấy biên nhận viết tay bằng mực bút bi màu xanh có chữ ký người vay là “Vũ Thị T” với nội dung chị T chót nợ hội và tiền vay của bà V (tức bà Q) tính đến ngày 05/01/2021 số tiền là 117.000.000 đồng, đã trả 15.000.000 đồng, còn lại số tiền 102.000.000 đồng, hẹn bắt đầu từ tháng 06/2021 âm lịch sẽ trả dần. Người làm chứng là vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Đỗ Thị N đều có lời khai xác nhận khi đến nhà chị Vũ Thị T đòi nợ hội đã trực tiếp chứng kiến chị T trả nợ 15.000.000 đồng và viết giấy nhận nợ với vợ chồng ông V, bà Q như trên. Do đó căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác nhận của người làm chứng có cơ sở xác định chị Vũ Thị T có vay nợ của vợ chồng ông Phạm Văn V, bà Vũ Thị Q và tính đến ngày 05/01/2021 còn nợ số tiền gốc là 102.000.000 đồng. Đến nay chị Vũ Thị T không đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả số nợ trên nên ông Phạm Văn V khởi kiện yêu cầu chị Vũ Thị T trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.3] Về lãi: Ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị Q khai khi cho vay hai bên có thỏa thuận miệng lãi là 01%/tháng, chị T có trả lãi đến tháng 02/2020 thì dừng. Đến nay chị Vũ Thị T vắng mặt, không có ý kiến xem xét về lãi đã trả; ông V và bà Q cũng không yêu cầu phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về lãi của số tiền gốc vay.

[4] Về án phí: Bị đơn chị Vũ Thị T có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên chị T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn V về việc đòi tiền cho vay đối với chị Vũ Thị T.

2. Buộc chị Vũ Thị T trả cho vợ chồng ông Phạm Văn V, bà Vũ Thị Q số tiền là 102.000.000đ (Một trăm linh hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Vũ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Trung Kiên**